TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/DS-ST
Ngày 22-01-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;
Bà Trần Thị Phượng.
Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký viên TAND khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Én - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2025/TLST - DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần MBN Jupiter (Jupiter); địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Central, số 219 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh Tuấn – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Anh Tuấn: Ông Nguyễn Phúc Thực - Trưởng phòng xử lý nợ Auto.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phúc Thực: Ông Nguyễn Ngọc Nam – Chuyên viên xử lý nợ (Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1988 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm L, xã X, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Jupiter - ông Nguyễn Ngọc Nam trình bày:

Ngày 27/12/2024, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) và Jupiter đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER và các phụ lục đính kèm khoản nợ của khách hàng vay là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các hợp

đồng tín dụng mà ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H đã ký kết. Cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số LN1704250039801 ngày 18/05/2017: Số tiền vay là 110.000.000 đồng; thời hạn vay: 72 tháng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô. Trong quá trình vay, khách hàng đã trả: 84.479.127 đồng; trả gốc: 60.039.772 đồng và trả lãi: 24.439.355 đồng. Từ ngày 19/12/2019, khoản vay quá hạn, tính đến ngày 22/01/2026, ông S, bà H còn nợ số tiền là: Nợ gốc: 49.960.228 đồng; nợ lãi: 65.868.935 đồng; lãi chậm trả: 18.975.090 đồng; tổng cộng: 134.804.253 đồng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 36 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4,5%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu THACO TOWNER, số khung RNHA192ACHC041970, số máy DA465QE73003653F5, thep giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS 18C-071.71 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông S, bà H. Ngày 14/07/2020, ông S, bà H đã nộp tiền xin giải chấp tài sản bảo đảm trên. Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, ông S, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 19/12/2019 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Hợp đồng cho vay số LN1810090980867 ngày 19/10/2018: Số tiền vay là 631.000.000 đồng; thời hạn vay: 83 tháng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô; trong quá trình vay, khách hàng đã trả: 162.357.235 đồng; Trả gốc: 101.569.510 đồng; trả lãi: 60.787.725 đồng. Từ ngày 19/12/2019, khoản vay quá hạn, tính đến ngày 22/01/2026, ông S, bà H còn nợ số tiền là: Nợ gốc: 529.430.490 đồng; nợ lãi: 557.489.447 đồng; lãi chậm trả: 186.158.895 đồng; tổng cộng: 1.273.078.832 đồng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8.9%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 36 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 5%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số

dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số khung 8PM0KH621566; số máy P2G182041175; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 18C-090.49 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông S, bà H. Ông S, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 19/12/2019 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Nay Jupiter yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Jupiter toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên, tính đến ngày 22/01/2026 như sau: Nợ gốc 579.390.718 đồng; nợ lãi: 623.358.382đồng; lãi chậm trả: 205.133.985 đồng; tổng cộng: 1.407.883.085 đồng. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H thực tế thanh toán hết nợ. Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả không đủ nợ thì Jupiter có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ, bao gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số khung 8PM0KH621566, số máy P2G182041175 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 18C-090.49 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông S, bà H. Trong trường hợp sau khi kê biên, phát mại không đủ để trả nợ, Jupiter có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông S, bà H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Jupiter đến khi thực tế trả hết các khoản nợ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay, Thẩm phán, Thư ký thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 35, 74; 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 463, 466, 468, 317, 299, 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Jupiter, buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H phải trả nợ cho Jupiter số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2026 là: 1.407.883.085 đồng, trong đó, nợ gốc: 579.390.718 đồng; nợ lãi: 623.358.382 đồng; lãi chậm trả: 205.133.985 đồng. Kể từ ngày 23/01/2026, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H còn phải trả cho và Jupiter tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất được quy định tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Jupiter. Kể từ ngày Bản án

có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H không trả nợ đầy đủ cho Jupiter thì Jupiter có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ. Trường hợp sau khi kê biên, phát mại tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Jupiter thì Jupiter có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản khác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Jupiter cho đến khi trả hết các khoản nợ.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt đã có đơn đề nghị vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn S bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên toà hai lần không có lý. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với các quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hình thức, nội dung và việc thực hiện hợp đồng:

[2.1] Về hình thức của hợp đồng:

Xét các hợp đồng tín dụng cho vay: Hợp đồng cho vay số LN1704250039801 ngày 18/05/2017 và Hợp đồng cho vay số LN1810090980867 ngày 19/10/2018 thì thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn xác định Hợp đồng cho vay số LN1704250039801 ngày 18/05/2017 và Hợp đồng cho vay số LN1810090980867 ngày 19/10/2018 là hợp đồng mà vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H cùng ký kết với VPBank. Bị đơn là ông Nguyễn Văn S đã ký xác nhận khoản vay theo hợp đồng tín dụng và đây là khoản vay chung của vợ chồng ông.

Tại thời điểm ký hợp đồng, Ngân hàng là pháp nhân hợp pháp có đăng ký kinh doanh, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng, khế ước nhận nợ và các văn bản khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật. Do đó, các hợp đồng giữa ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H cùng các văn bản kèm theo đều hợp pháp, các bên tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng thực hiện.

[2.2] Về Hợp đồng mua bán nợ:

Ngày 27/12/2024, VPBank và Jupiter ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER và các phụ lục đính kèm khoản nợ của khách hàng vay là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng mà ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H đã ký kết. Xét thấy việc chuyển nhượng toàn bộ khoản nợ giữa Jupiter và VPBank được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự 2015 và Thông tư 09/2015/TT-NHNN. Jupiter đã kế thừa quyền yêu cầu đối với 100% giá trị nợ gốc và lãi, đồng thời kế thừa quyền đối với tài

sản bảo đảm. Do đó, việc Jupiter khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ và xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[2.3] Về việc thực hiện hợp đồng:

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, VPBank đã thực hiện đúng nghĩa vụ cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng. Việc này đã được các bên xác nhận và được chứng minh bằng giấy nhận nợ, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H thanh toán khoản nợ nhưng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H không thực hiện được.

Vì vậy, Jupiter khởi kiện đòi nợ đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ của Jupiter đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Việc thỏa thuận lãi suất của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về mức lãi suất và điều chỉnh lãi suất là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên cần được chấp nhận. Căn cứ vào việc đối chiếu số liệu về việc giải ngân, thanh toán gốc, lãi và các quy định trong các Hợp đồng tính đến ngày 22/01/2026, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H còn nợ Jupiter số tiền gốc và lãi là: 1.407.883.085 đồng, trong đó, nợ gốc: 579.390.718 đồng; nợ lãi: 623.358.382 đồng; lãi chậm trả: 205.133.985 đồng. Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn, nợ lãi chậm trả theo thoả thuận hợp đồng cho vay hạn mức là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hợp đồng thế chấp số LN1810090980867 ngày 19/10/2018 giữa VPBank và ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H:

Hội đồng xét xử thấy: Hình thức hợp đồng đều được lập thành văn bản, các bên tham gia ký kết đúng thành phần đại diện và có chữ ký, con dấu của các bên. Nội dung thế chấp thể hiện đầy đủ thông tin của bên thế chấp ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H, bên nhận thế chấp là ngân hàng VPBank, quyền và nghĩa vụ của các bên, thông tin về tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp thuộc đối tượng đăng ký giao dich giao dịch bảo đảm và đã được ngân hàng làm thủ tục giao dịch đảm bảo. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng. Căn cứ vào các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 của BLDS xác định hợp đồng thế chấp LN2403262160050 ngày 02/04/2024 giữa ngân hàng với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành với các bên.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp:

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu THACO TOWNER, số khung RNHA192ACHC041970, số máy DA465QE73003653F5, thep giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS 18C-071.71 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông S, bà H thế chấp tại VPBank: Ngày 14/07/2020, ông S, bà H đã nộp tiền xin giải chấp tài sản bảo đảm trên.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số khung 8PM0KH621566; số máy P2G182041175 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 18C-090.49 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H hiện đang được thế chấp tại VPBank, đại diện theo uỷ quyền của Jupiter có đơn đề nghị Toà án không tiến hành xem xét thẩm định tài sản thế chấp nêu trên. Theo Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự, việc xem xét thẩm định tại chỗ thực hiện theo yêu cầu của đương sự. Nếu nguyên đơn từ bỏ quyền này và bị đơn (bà H, ông S) cũng thừa nhận sự tồn tại, đặc điểm của chiếc xe (số khung, số máy, BKS), thì Tòa án có thể dựa trên các chứng cứ văn bản (Đăng ký xe, Hợp đồng thế chấp) để quyết định mà không nhất thiết phải kiểm tra trực tiếp nếu tài sản đang bị thất lạc hoặc khó tiếp cận.

Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên đều là tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với các quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên được xác định là hợp pháp. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của và Jupiter về việc được quyền xử lý tài sản bảo đảm nếu ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ cho Jupiter. Trường hợp, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H đã trả toàn bộ khoản nợ trên thì Jupiter phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho chủ sử dụng, chủ sở hữu tài sản.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 74, Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 299, 320, 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTPTANDTC ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTPTANDTC ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Jupiter đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H.

- Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H phải trả nợ cho Jupiter theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 22/01/2026 với số tiền gốc và lãi là: 1.407.883.085 đồng; trong đó, nợ gốc: 579.390.718 đồng; nợ lãi: 623.358.382 đồng; lãi chậm trả: 205.133.985 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo là ngày 23/01/2026 cho đến khi

thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì Jupiter được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số khung 8PM0KH621566; số máy P2G182041175 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 18C-090.49 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn S và Bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp số tiền phạt mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Jupiter có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H phải nộp 54.236.000 đồng (năm mươi tư triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Jupiter số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.500.0000đồng (hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001469 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 11 – Ninh Bình;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng